ĐẶC TRƯNG PHÁP LÝ VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY HỢP DANH TẠI VIỆT NAM

● NGUYỄN THỊ YẾN

TÓM TẮT:

Với nhu cầu mở rộng kinh doanh, cạnh tranh cũng như phân tán rủi ro, người kinh doanh đã liên kết lại với nhau để cho ra đời những mô hình kinh doanh mới mà ngày nay chúng ta gọi là Công ty. Trong số các mô hình công ty ra đời và tồn tại cho đến ngày nay, có một mô hình công ty ra đời sớm nhất, đơn giản trong tổ chức, quản lý, linh hoạt trong quá trình hoạt động, an toàn cho công chúng,... đã được nhiều nhà đầu tư lựa chọn khi thực hiện hoạt động kinh doanh ở nhiều quốc gia trên thế giới, đó chính là mô hình công ty hợp danh. Bài viết này sẽ phân tích cụ thể về công ty hợp danh, thực trạng phát triển và các đặc trưng pháp lý của công ty hợp danh tại Việt Nam.

Từ khóa: công ty hợp danh, đặc trưng pháp lý.

1. Tổng quan về công ty hợp danh

Công ty hợp danh là một trong những loại hình công ty ra đời sớm nhất trên thế giới với tên gọi tiếng Anh là Partnerships, hay còn được biết tới với loại hình công ty đối nhân. Đây là loại công ty mà sự liên kết giữa các chủ thể được đo bằng sự tin cậy về nhân thân của các bên, sự liên kết về vốn chỉ là thứ yếu. Các bên liên kết phải là cá nhân và số lượng ít. Công ty đối nhân có đặc điểm quan trọng nữa là không có sự tách bạch về tài sản giữa cá nhân các thành viên với công ty. Các thành viên công ty liên đới chịu trách nhiệm vô hạn đến cùng đối với các khoản nợ của công ty hoặc ít nhất có một thành viên chịu trách nhiệm vô hạn về mọi khoản nợ của công ty. Công ty đối nhân không có tư cách pháp nhân. Các thành viên có tư cách thương gia độc lập và phải chịu thuế thu nhập cá nhân, bản thân công ty không bị đánh thuế. Công ty đối nhân thường tồn tại dưới hai dạng cơ bản đó là:

+ Công ty hợp danh: là loại hình công ty trong đó các thành viên cùng nhau tiến hành hoạt động thương mại dưới một hãng chung và cùng liên đới chịu trách nhiệm vô hạn về mọi khoản nợ của công ty. Trách nhiệm này không bị giới hạn đối với bất kì thành viên nào và đây là loại hình công ty ra đời sớm nhất.

+ Công ty hợp vốn đơn giản: là công ty có ít nhất một thành viên chịu trách nhiệm vô hạn (thành viên nhận vốn) về các hoạt động của công ty, còn các thành viên khác chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trong số vốn góp vào công ty (thành viên góp vốn). Như vậy, điểm khác biệt giữa công ty hợp danh và công ty hợp vốn đơn giản là thành viên góp vốn, thành viên này chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm

vi vốn góp vào công ty. Thành viên góp vốn không có quyền đại diện cho công ty chỉ có quyền trong quan hệ nội bộ của công ty. Thành viên nhận vốn chịu trách nhiệm vô hạn về mọi khoản nợ của công ty, có quyền đại diện cho công ty trong các qua hệ đối ngoại. Sự ra đời của công ty hợp vốn đơn giản đã đáp ứng yêu cầu của các nhà kinh doanh một khi họ không muốn vào công ty hợp danh do tính chịu trách nhiệm vô hạn của tất cả các thành viên, công ty này không có tư cách pháp nhân.

Công ty đối nhân nêu trên đều có đặc điểm chung là không có tư cách pháp nhân. Phải có ít nhất một cá nhân là người nhận vốn và chịu trách nhiệm thực hiện hoạt động kinh doanh của công ty được gọi là thành viên hợp danh. Thành viên hợp danh thường là những người quen biết nhau, họ biết rõ về nhân thân cũng như khả năng của nhau và cùng nhau kinh doanh, cùng nhau chịu trách nhiệm liên đới vô hạn về mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Cá nhân là thành viên hợp danh số lượng ít, họ là người có uy tín, trình độ chuyên môn. Chính danh tiếng của các thành viên hợp danh này gây dựng danh tiếng của công ty. Thành viên hợp danh là thành viên có tính bắt buộc và quyết định cho việc có tồn tại, ra đời công ty hợp danh hay không. Trong quá trình hoạt động, cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành công ty hợp danh cũng do thành viên hợp danh quyết định.

Ưu điểm của loại hình công ty này đó là rất dễ dàng được thành lập do không có tư cách pháp nhân. Thành lập loại hình công ty này đơn giản chỉ cần có hợp đồng liên kết của các các nhân với nhau cũng có thể được coi là thành lập mà không nhất thiết phải đợi tới khi có các quyết định công nhận từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền như những mô hình công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn. Công ty hợp danh cũng là mô hình công ty có sự an toàn pháp lý cao đối với công chúng do tính chịu trách nhiệm liên đới vô hạn của các thành viên hợp danh về các hoạt động kinh doanh của công ty. Sự đơn giản trong quản lý điều hành và ít chịu sự can thiệp sau của pháp luật cũng chính là những ưu điểm lớn của loại hình công ty này và đó là lý do công ty hợp danh ra đời sớm và phát triển mạnh của các nước như Mỹ, Pháp, Thụy Điển,...

2. Đặc trưng pháp lý của công ty hợp danh tại Việt Nam

2.1. Thực trạng phát triển của công ty hợp danh tại Việt Nam

Ở Việt Nam loại hình công ty hợp danh ra đời muộn do những điều kiện về kinh tế, lịch sử, xã hội là một nước nông nghiệp, nền kinh tế chưa coi trọng hoạt động thương mại do trải qua một thời kỳ dài tập trung bao cấp cũng như một thời kỳ bị chia cắt đã ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển của loài hình công ty này. Cuối thế kỷ XIX, Pháp áp dụng 3 Bộ luật tại Việt Nam: Dân Luật Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ đã xuất hiện các hình thức doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn cũng như các hình thức doanh nghiệp khác. Khái niệm công ty hợp danh chỉ bắt đầu xuất hiện ở Việt Nam với hình thức Hội buôn. Năm 1954, trước Nghị quyết Đại hội lần VI của Đảng, miền Bắc tiến hành công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa, thực hiện nền kinh tế tập trung lấy kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể làm chủ đạo khi đó các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, kinh tế tư nhân hầu như không được thừa nhận. Pháp luật về công ty nói chung trong đó có công ty hợp danh trong thời kỳ này không tồn tại.

Ở miền Nam, trước năm 1975, loại hình công ty hợp danh được ghi nhận trong Bộ luật Thương mại với những ảnh hưởng của pháp luật nước Pháp về mô hình công ty này. Đến thời kỳ đổi mới, chuyển từ kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế khác nhau trong đó có thành phần kinh tế tư nhân. Các quy định pháp luật về doanh nghiệp được nhà nước chú trọng ban hành nhằm điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế khác nhau hoạt động với mục đích kinh tế đã dẫn đến sự ra đời của Luật Công ty năm 1990, Luật Doanh nghiệp tư nhân, Luật về Doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, trong văn bản Luật Công ty năm 1990 Việt Nam mới chỉ ghi nhận 2 loại hình công ty đó là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn mà chưa ghi nhận mô hình công ty hợp danh. Phải đến Luật Doanh nghiệp năm 1999 ra đời nhằm hợp nhất hóa 2 văn bản Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân thì mới bắt đầu ghi nhận loại hình công ty hợp danh ở Việt

Nam. Luật Doanh nghiệp năm 1999 là căn cứ pháp lý cho sự ra đời và phát triển công ty hợp danh ở Việt Nam với 4 điều luật hết sức đơn giản ghi nhận và điều chỉnh hoạt động của công ty hợp danh. Tiếp đó các văn bản Luật Doanh nghiệp 2005, Luật Doanh nghiệp 2014 và đến nay là Luật Doanh nghiệp 2020 mô hình công ty hợp danh tiếp tục được ghi nhận và hoàn thiện với số điều luật được tăng lên 11 điều đã thấy được bước tiến của loại hình công ty này tại Việt Nam. Quy định về Công ty Hợp danh gia tăng về số lượng các điều luật nhưng có sự ổn định trong văn bản Luật Doanh nghiệp 2005 cho đến Luật Doanh nghiệp 2020 theo đó:

Công ty Hợp danh là doanh nghiệp, trong đó: phải có ít nhất 2 thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung (sau đây gọi là thành viên hợp danh). Ngoài các thành viên hợp danh, công ty có thể có thêm thành viên góp vốn. Thành viên hợp danh phải là cá nhân, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty. Thành viên góp vốn là tổ chức, cá nhân và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công tytrongphạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty. Công ty hợp danh có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công ty hợp danh không được phát hành bất kỳ loại chứng khoánnào.

2.2. Đặc trưng pháp lý của công ty

❖ *Tư cách chủ thể của công ty hợp danh*

Khi mới bắt đầu quy định về công ty hợp danh, Luật Doanh nghiệp năm 1999 không quy định công ty hợp danh có tư cách pháp nhân. Từ Luật Doanh nghiệp 2005 trở đi có một bước tiến lớn về quy định của pháp luật đối với công ty hợp danh, đó là công ty hợp danh có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện nay là đăng kí thành lập doanh nghiệp. Điều này có nghĩa là công ty hợp danh có tài sản riêng, tự chịu trách nhiệm vô hạn trước các hoạt động của mình bằng tài sản riêng đó cùng với thành viên hợp danh của công ty.

❖ *Thành viên của công ty hợp danh*

Trong công ty hợp danh có 2 loại thành viên đó là thành viên hợp danh và thành viên góp vốn. Tư cách thành viên của thành viên hợp danh và góp vốn hoàn toàn khác nhau kể cả về điều kiện thành viên cũng như quyền và nghĩa vụ của thành viên trong công ty, cụ thể:

+ Thành viên hợp danh: Thành viên hợp danh trước hết phải là cá nhân, số lượng tối thiểu là 2 và không là thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác, cũng không đồng thời là chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân. Thành viên hợp danh chịu trách nhiệm liên đới vô hạn, tới cùng đối với các khoản nợ của công ty bằng tài sản cá nhân của mình. Việc chấm dứt tư cách thành viên hay tiếp nhận thành viên hợp danh mới phải được sự đồng ý của ít nhất 3/4 số phiếu tán thành của các thành viên hợp danh khác. Thành viên hợp danh trực tiếp tham gia vào việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, có quyền đại diện cho công ty trước pháp luật.

+ Thành viên góp vốn: Thành viên góp vốn có thể là tổ chức hoặc cá nhân không hạn chế số lượng tối đa cũng như tối thiểu, số lượng thành viên góp vốn, điều kiện trở thành thành viên góp vốn trong công ty hợp danh có thể được quyết định bởi các thành viên hợp danh. Thành viên góp vốn chịu trách nhiệm hữu hạn trước các hoạt động của công ty trong phạm vi vốn góp. Thành viên góp vốn không tham gia vào quá trình quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty và không bị giới hạn về tư cách thành viên ở các loại hình doanh nghiệp khác.

❖ *Vốn điều lệ trong công ty hợp danh*

Vốn điều lệ được các thành viên trong công ty góp khi thành lập công ty và ghi rõ trong điều lệ của công ty. Tài sản góp vốn của thành viên hợp danh, thành viên góp có thể khác nhau về loại tài sản. Tài sản góp vốn của thành viên hợp danh có thể là tài sản vô hình như trình độ chuyên môn, uy tín, kinh nghiệm bản thân. Thành viên góp vốn thường là các tài sản hữu hình. Ngoài tài sản so với thành viên góp công ty hợp danh có thể có tài sản thu được từ các hoạt động kinh doanh của công ty do các thành viên hợp danh nhân danh cá nhân, công ty thực hiện.

Các tài sản mang tên công ty, việc chuyển nhượng vốn góp trong công ty hợp danh cũng được phân chia ra đối với thành viên hợp danh và thành

viên góp vốn. Thành viên hợp danh chỉ được chuyển nhượng phần vốn góp của mình nếu các thành viên hợp danh khách chấp nhận. Nếu thành viên hợp danh chết thì người thừa kế chỉ có thể thế chỗ để trở thành thành viên hợp danh nếu được hội đồng thành viên hợp danh chấp nhận với số phiếu đồng ý ít nhất 3/4 số thành viên hợp danh có quyền biểu quyết. Vốn góp của thành viên góp vốn có quyền được chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho người khác và luật không quy định việc chuyển nhượng này phải được các thành viên khác chấp nhận.

❖ *Cơ cấu tổ chức, quản lý của công ty hợp danh*

Về cơ cấu tổ chức, quản lý trong công ty hợp danh theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005, Luật Doanh nghiệp 2014 và đến nay là Luật Doanh nghiệp 2020, cơ cấu tổ chức của công ty hợp danh gồm có: Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của công ty hợp danh; Giám đốc; Các thành viên hợp danh. Luật Doanh nghiệp 1999 không quy định về các thành phần này, quyền quản lý điều hành thuộc về tất cả các thành viên hợp danh, vì trong Luật Doanh nghiệp 1999 không quy định công ty hợp danh có tư cách pháp nhân. Khi quy định công ty hợp danh có tư cách pháp nhân, để đáp ứng được điều kiện có cơ cấu tổ chức chặt chẽ luật doanh nghiệp mới quy định các cơ quan như ở trên. Tuy nhiên, Luật không quy định quá chi tiết về cơ cấu tổ chức và quản lý điều hành của công ty hợp danh, vì nó thuộc quyền quản lý như nhau đối với tất cả các thành viên hợp danh. Về bản chất hoạt động quản lý điều hành thuộc về tất cả các thành viên hợp danh của công ty. Các thành viên này có thể thỏa thuận để phân chia nhau quyền quản lý, điều hành công ty, nhưng trách nhiệm của thành viên hợp danh trong các hoạt động kinh doanh trước nhà nước và người thứ ba là trách nhiệm liên đới. Họ phải chịu trách nhiệm lẫn nhau về các hoạt động kinh doanh mà họ thực hiện nhân danh công ty.

3. Kết luận và kiến nghị

Công ty Hợp danh mặc dù được pháp luật Việt Nam thừa nhận và quy định từ Luật Doanh nghiệp 1999, tiếp tục được quy định và phát triển trong Luật Doanh nghiệp tiếp theo nhưng cho đến nay sự ra đời của loại hình công ty này ở Việt Nam vẫn còn rất hạn chế, mặc dù đây là loại hình công ty được chấp nhận rộng khắp trên thế giới. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê Việt Nam, công ty hợp danh là loại hình doanh nghiệp ít được lựa chọn nhất, số lượng công ty hợp danh được thành lập hàng năm rất ít. Cho đến thời điểm hiện tại, công ty hợp danh chiếm tỷ lệ nhỏ nhất trong tất cả các loại hình doanh nghiệp hiện có tại Việt Nam. Trung bình, cứ 7.000 doanh nghiệp được thành lập mới chỉ có 1 doanh nghiệp là công ty hợp danh. Điều này cho thấy loại hình công ty này chưa thực sự có sức hút tại Việt Nam, mặc dù có rất nhiều ưu điểm và phù hợp với đặc trưng của nền kinh tế Việt Nam đó là quy mô sản xuất, kinh doanh nhỏ. Những hạn chế này của công ty hợp danh đến từ các quy định pháp luật chưa thật sự rõ ràng như: Luật doanh nghiệp chưa có sự tách bạch giữa công ty hợp danh với công ty với công ty hợp danh hữu hạn; Quy định công ty hợp danh có tư cách pháp nhân hay không hiện nay vẫn còn có nhiều tranh cãi; Tiêu chuẩn trở là thành viên hợp danh cũng như lĩnh vực kinh doanh thành lập công ty hợp danh chưa được quy định... đó là một trong các lý do mô hình này chưa thực sự được chào đón ở Việt Nam. Để có thể phát triển loại hình công ty hợp danh ở Việt Nam, tác giả đưa ra một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, cần quy định tách biệt giữa công ty hợp danh và công ty hợp danh hữu hạn. Hiện nay, Luật Doanh nghiệp Việt Nam chỉ quy định là công ty hợp danh mà không có sự phân biệt công ty hợp danh (chỉ có thành viên hợp danh), công ty hợp danh hữu hạn (có thành viên hợp danh và thành viên góp vốn). Về bản chất đây là 2 loại hình công ty khác nhau, khi có sự tách biệt 2 loại hình công ty pháp luật sẽ có những quy định phù hợp để điều chỉnh tổ chức, hoạt động của các công ty này. Việc quy định tách biệt giữa công ty hợp danh với công ty hợp danh hữu hạn đã được các quốc gia trên thế giới như Hoa Kỳ, Anh, Pháp,... thực hiện và có từng đạo luật riêng để điều chỉnh từng loại hình công ty. Quy định tách biệt giữa công ty hợp danh với công ty hợp danh hữu hạn góp phần cho người kinh doanh ở Việt Nam đặc biệt là các Cá nhân kinh doanh, Hộ gia đình kinh doanh cá thể chọn các mô hình này để chuyển đổi lên doanh nghiệp.

Thứ hai, cần quy định cụ thể lĩnh vực kinh doanh bắt buộc phải thành lập công ty hợp danh. Trong kinh doanh có những lĩnh vực đòi hỏi người kinh doanh phải chịu trách nhiệm cao đối với các sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng như kinh doanh trong các lĩnh vực: Văn phòng luật sư, công chứng, tư vấn pháp lý; Khám chữa bệnh; Đào tạo, dịch thuật; Tư vấn, thiết kế công trình;... Sản phẩm, dịch vụ trong các lĩnh vực này ảnh hưởng rất lớn đến tài sản, sức khỏe cũng như nhân thân của khách hàng, đòi hỏi người cung cấp phải có trách nhiệm cao. Nhà đầu tư khi thành lập doanh nghiệp kinh doanh trong các lĩnh vực nói trên buộc phải lựa chọn loại hình doanh nghiệp không có tư cách pháp nhân như doanh nghiệp tư nhân. Nếu lựa chọn mô hình công ty nên quy định buộc phải lựa chọn loại hình công ty hợp danh có như vậy mới nâng cao tinh thần trách nhiệm của họ với khách hàng, bảo về quyền lợi về tài sản, sức khỏe, nhân thân của khách hàng. Quy định buộc phải lựa chọn công ty hợp danh trong lĩnh vực này cũng như phát huy sự an toàn pháp lý cao của công ty hợp danh đối với công chúng.

Thứ ba, cần thực hiện việc phổ biến, tuyên truyền loại hình công ty hợp danh trên thực tế. Công ty hợp danh đã có lịch sử lâu đời trên thế giới, uy tín và an toàn khá phù hợp với các điều kiện kinh tế, văn hóa - xã hội cũng như tâm lý kinh doanh ở Việt Nam. Nhưng người dân chưa thật sự tìm hiểu về loại hình công ty mới, không hiểu rõ về công ty hợp danh. Để công ty hợp danh được chấp nhận và thành lập phổ biến ở Việt Nam, đòi hỏi Nhà nước phải có biện pháp tuyên truyền, phổ biến về công ty hợp tại các diễn đàn, phương tiện thông tin đại chúng bởi vì hiện nay ngay cả các diễn đàn của luật sư và doanh nghiệp cũng ít đề cập đến công ty hợp danh. Hơn nữa, có rất ít bài viết, công trình nghiên cứu khoa học về công ty hợp danh. Việc tuyên truyền sâu rộng bằng các bài viết đi sâu làm nổi bật đặc điểm, vai trò của công ty hợp danh, từ đó một số cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh có đủ điều kiện có thể chuyển thành công ty hợp danh từ đó góp phần làm văn minh văn hóa kinh doanh. Ở vị trí công ty, công ty hợp danh mang lại một số quyền mà các mô hình cá nhân kinh doanh không có.

Trong kinh doanh, lựa chọn được một mô hình kinh doanh phù hợp với ý tưởng, khả năng rất quan trọng có tính quyết định đến sự thành bại của các nhà đầu tư. Với những quy định của pháp luật về công ty hợp danh hiện nay chưa thật sự hấp dẫn nhưng cũng là một lựa chọn cho người kinh doanh. Công ty hợp danh là một loại hình công ty có nhiều ưu điểm nổi bật, thể hiện được sự tập trung ý chí của các thành viên hợp danh tham gia, tạo được sự tin cậy đối với khách hàng, bạn hàng kinh doanh cũng như công chúng, góp phần thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển bền vững ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ánh Hồng, Trần Vũ Nghi (2016). Doanh nghiệp Việt ngày càng li ti. Báo Tuổi trẻ, truy cập tại: *http://tuoitre.vn/tin/kinh-te/20160704/doanh-nghiep-viet-ngay-cang-li-ti/1130905.html*

2. Nguyễn Vinh Hưng (2015). Phân biệt công ty hợp danh và công ty hợp vốn đơn giản theo Luật Doanh nghiệp năm 2014. *Nghề luật,* số 06/2015.

3. Phạm Duy Nghĩa (2009), *Luật Doanh nghiệp: Tình huống - Phân tích - Bình luận,* Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Nguyễn Như Phát, Phạm Duy Nghĩa (2001), *Giáo trình Luật kinh tế Việt Nam, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội,* Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Quốc hội (1999; 2005; 2014; 2020). *Luật Doanh nghiệp.*

Ngày nhận bài: 9/7/2022
Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 5/8/2022
Ngày chấp nhận đăng bài: 15/8/2022

Thông tin tác giả:
ThS. NGUYỄN THỊ YẾN
Viện Kinh tế và Quản lý - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

THE DEVELOPMENT STATUS AND LEGAL CHARACTERISTICS OF THE PARTNERSHIP BUSINESS MODEL IN VIETNAM

● Master. **NGUYEN THI YEN**
School of Economics and Management
Hanoi University of Science and Technology

ABSTRACT:

Business people have collaborated with others to expand businesses and spread risks, it leads to the establishment of company models including partnership business model. The partnership business model is one of the earliest business models, and its organization and management are simple, flexible and safe for the public. This partnership business model has been chosen by many investors when doing business around the world. This paper specifically analyzes the partnership business model, the development status and legal characteristics of this model in Vietnam.

Keywords: partnership, legal characteristics.